

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6- 2021
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con;

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dân An;
2. Bà Dương Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền L, sinh năm: 1976. Trú tại: Số 9, hẻm 82, khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm: 1976. Trú tại: Số 9, hẻm 82, khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1995, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) vào năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn nghiêm trọng từ tháng 8

năm 2020 do anh B thường xuyên phá tán tài sản, lấy tài sản trong nhà đi thế chấp, gây nợ nần nhiều lần; mỗi lần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì anh B tra tấn tinh thần, hăm dọa chị L; mặc dù anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai nên chị L không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin ly hôn với anh B;

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Hoàng M, sinh năm: 1999 và Trần Huy H, sinh năm: 2006. Nay xin ly hôn, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Huy H, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Trần Hoàng M đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn – anh Trần Văn B vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B xác định lời trình bày của chị L là đúng, anh chị chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh B trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, mâu thuẫn do anh tự ý lấy tài sản trong gia đình thế chấp cho bạn mượn tiền; anh sẽ cố gắng chuộc lại tài sản đem về. Do đó, anh xin đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung như chị L trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu tòa án giải quyết về con chung;

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền L đối với anh Trần Văn B;

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Hoàng M, sinh năm: 1999 và Trần Huy H, sinh năm: 2006. Giao con chung tên Trần Huy H cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng

nuôi con. Riêng con chung tên Trần Hoàng M đã thành niên và có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền L và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1995, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 12 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh (bút lục số 03). Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày quá trình anh chị chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh B.

[3] Xét thấy, nguyên nhân chị L và anh B phát sinh mâu thuẫn do anh B không chăm lo kinh tế gia đình, phá tán tài sản chung của vợ chồng; cụ thể anh B đã xác nhận anh đã tự ý lấy tài sản chung để cầm cố và sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của anh B đã vi phạm nguyên tắc chung về chế độ tài sản chung của vợ chồng được quy định tại Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình. Hành vi phá tán tài sản của anh B được thực hiện trong thời gian dài (bút lục số 22 và 32) gây ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế gia đình và nguyên nhân chính dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn, vợ chồng không còn tôn trọng nhau và là người cha thiếu mẫu mực đối với con cháu. Mặc dù anh chị vẫn sống chung nhưng không quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải động viên và tạo điều kiện để anh chị đoàn tụ nhưng không thành nên chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh B cho thấy rằng anh chị không còn tình nghĩa vợ chồng.

[3] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định tình nghĩa vợ chồng giữa chị L và anh B không còn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; cả hai không có biện

pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền L đối với anh Trần Văn B là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Hoàng M, sinh năm: 1999 và Trần Huy H, sinh năm: 2006. Xét thấy con chung Trần Huy H đang sống chung với chị L và có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với chị. Do đó để con chung của anh chị có điều kiện sống ổn định, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần sau khi anh chị ly hôn nên giao con chung tên Trần Huy H cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Trần Hoàng M đã thành niên và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh B được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết đối với vụ án là phù hợp với tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; 56; 58 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền L đối với anh Trần Văn B.

Chị Nguyễn Thị Huyền L được ly hôn với anh Trần Văn B;

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Hoàng M, sinh năm: 1999 và Trần Huy H, sinh năm: 2006.

Tuyên giao con chung tên Trần Huy H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Trần Hoàng M đã thành niên và có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh B được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Huyền L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009578 ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị L, anh B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TXHT;
- THADS TXHT;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm